

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06-3-2024

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Huy Khoa.
- Ông Nguyễn Văn Hiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thuận Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lương Thị H** - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn B Th 2, xã H V, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

* *Bị đơn:* Anh **Trần Khánh H** - Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn B Th 2, xã H V, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, anh H1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn xin ly hôn; Bản tự khai; Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; Nguyên đơn - chị Lương Thị H trình bày:* Chị và Trần Khánh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Việt, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày 18/02/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng

không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, sau đó chị đi làm ăn xa hai vợ chồng không quan tâm đến nhau, mỗi khi chị về vợ chồng không chuyện trò, không còn tình cảm và đã sống ly thân 4 năm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Khánh H1.

Chị và anh Trần Khánh H1 có 02 con chung là Trần Tiến H2, sinh ngày 12/12/2001 và Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 01/01/2007. Cháu Trần Tiến H2 đã trưởng thành tự lập về kinh tế, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị xin nuôi cháu Trần Thị Ngọc M và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Chị và anh Trần Khánh H1 tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Vì lý do công việc, chị có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

* *Tại Bản tự khai; Bị đơn - anh Trần Khánh H1 trình bày:* Anh và chị Lương Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Việt, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày 18/02/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H lạnh nhạt tình cảm với anh, vợ chồng không chung sống với nhau 4 năm nay, anh không muốn ly hôn nhưng chị H kiên quyết xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Anh và chị Lương Thị H có 02 con chung là Trần Tiến H2, sinh ngày 12/12/2001 và Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 01/01/2007. Cháu Trần Tiến H2 đã trưởng thành tự lập về kinh tế, anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi con Trần Thị Ngọc M, anh nhất trí việc chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh và chị Lương Thị H tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng:** Chị Lương Thị H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H và anh Trần Khánh H1 kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Việt, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày 18/02/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống H phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng thiếu sự tin tưởng lẫn nhau và không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế, hai bên xác định đã sống ly thân và tự lo liệu cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau 4 năm. Nay chị H xin ly hôn, anh H1 đồng ý, thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lương Thị H được ly hôn anh Trần Khánh H1 là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Lương Thị H và anh Trần Khánh H1 có 02 con chung là cháu Trần Tiến H2, sinh ngày 12/12/2001 và cháu Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 01/01/2007. Chị H và anh H1 đều xác định cháu Trần Tiến H2 đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên việc cấp dưỡng nuôi cháu H2 không đặt ra giải quyết. Ly hôn, chị H xin nuôi cháu Trần Thị Ngọc M, anh H1 đồng ý và cháu M có đơn đề nghị được ở với mẹ sau khi ly hôn, vì vậy áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Trần Thị Ngọc M cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung nên việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị Lương Thị H và anh Trần Khánh H1 tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị H được ly hôn anh Trần Khánh H1.

2. Về quan hệ con chung:

- Con chung Trần Tiến H2, sinh ngày 12/12/2001 đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên việc cấp dưỡng nuôi con Trần Tiến H2 không đặt ra giải quyết.

Giao cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 01/01/2007. Việc cấp dưỡng con chung Trần Thị Ngọc M không đặt ra giải quyết.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0003079 ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Lương Thị H, có mặt anh Trần Khánh H1. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, anh H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- UBND xã Hồng Việt, h. Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Thị Phương Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Thảo

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 06/3/2024; Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Hà Huy Khoa.
- Ông Nguyễn Văn Hiền.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 221/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lương Thị H** - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Bá Thôn 2, xã Hồng Việt, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

* *Bị đơn:* Anh **Trần Khánh H1** - Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn Bá Thôn 2, xã Hồng Việt, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

A. Về điều luật áp dụng: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3/3 Nhất trí

B. Quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị H được ly hôn anh Trần Khánh H1.

2. Về quan hệ con chung:

- Con chung Trần Tiến H2, sinh ngày 12/12/2001 đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên việc cấp dưỡng nuôi con Trần Tiến H2 không đặt ra giải quyết.

Giao cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 01/01/2007. Việc cấp dưỡng con chung Trần Thị Ngọc M không đặt ra giải quyết.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0003079 ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

3/3 Nhất trí

C. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Khánh H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lương Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

3/3 Nhất trí

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Thảo